BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI
MIỀN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2024

BẢN TIN DỰ BÁO TUẦN

DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO SẢN XUẤT VÀ ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC MÙA KIỆT NĂM 2023-2024
(Tuần từ 19/04/2024 – 25/04/2024)

1. DIỄN BIẾN NGUỒN NƯỚC SÔNG MÊ CÔNG

Hai yếu tố thượng lưu quan trọng đến diễn biến nguồn nước, xâm nhập mặn ở ĐBSCL là lượng trữ nước trong Biển Hồ (Tonle Sap) và dòng chảy đến Kratie được cập nhật dưới đây.

1.1. Chế độ nước trong Biển Hồ (Tonle Sap)

Mực nước trên nhánh sông chảy vào hồ Tonle Sap tại Prek Kdam (Hình 1), ngày 17/4 ở cao trình 1,11 m, cao hơn TBNN và cùng kỳ năm 2023 khoảng 0,15m và 0,16m.

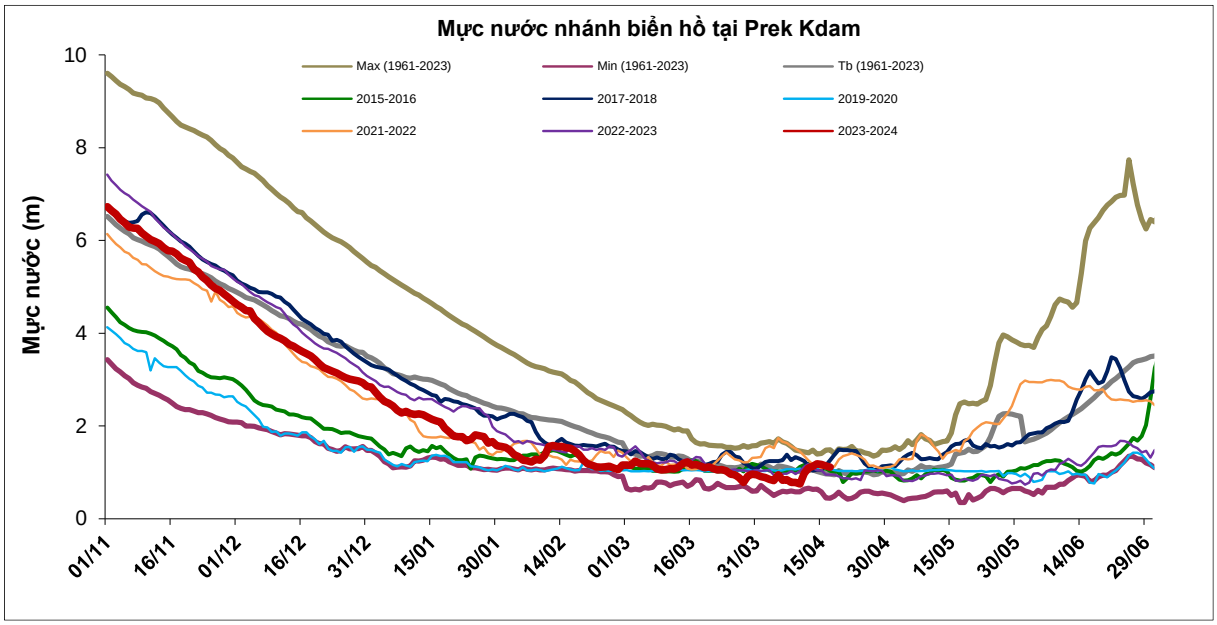

Hình 1. Diễn biến mực nước trạm Prek Kdam - Biển hồ (Nguồn: MRC)

1.2. Dòng chảy trên dòng chính sông Mê Công

Bảng 1: So sánh mực nước* các trạm chính và dung tích hồ Tonle Sap

Trạm	Đơn vị	Giá trị ngày 17/4/ 2024	Khác biệt mực nước (m) và dung tích hồ (tỷ m³) so với một số năm cùng thời điểm: (+) là cao hơn, (-) là thấp hơn					
			Năm TB	2022-2023	2021-2022	2019-2020	2017-2018	2015-2016
Chiang Saen*	m	1,81	-0,06	+0,11	-0,09	-0,45	-0,53	-0,34
Kratie*	m	7,06	+0,33	-0,30	-0,80	+0,01	-0,99	-0,31
Prekdam*	m	1,11	+0,15	+0,16	-0,02	+0,04	-0,15	+0,08
Dung tích hồ	Tỷ m³	1,09	-0,77	-0,28	-1,02	-0,27	-0,85	-0,25

*Ghi chú: *: cao độ mực nước các trạm thượng lưu theo số liệu của MRC là cao độ tương đối; (-/+) là thấp/cao hơn*
(Nguồn: MRC)

Hình 2 và Hình 3 cập nhật diễn biến mực nước đến ngày 17/4/2024 tại trạm Chiang Saen và trạm Kratie trên dòng chính sông Mê Công về đồng bằng:

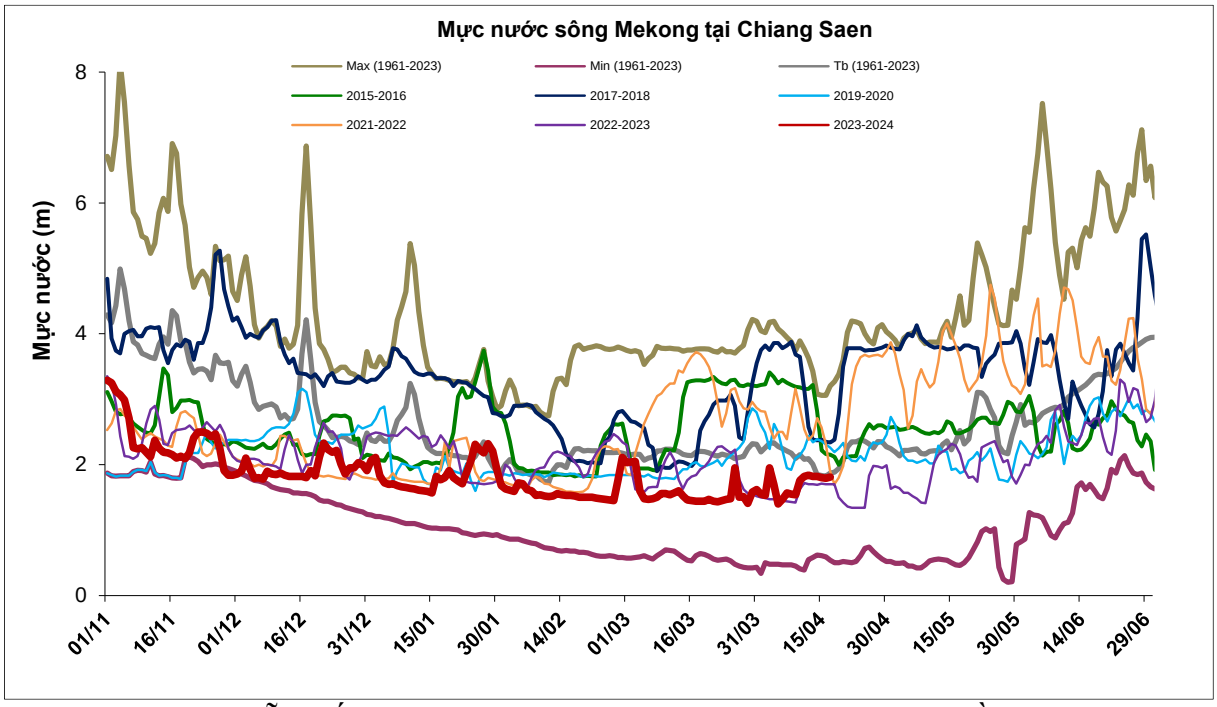

Hình 2. Diễn biến mực nước tại Chiang Saen –Thái Lan (Nguồn: MRC)

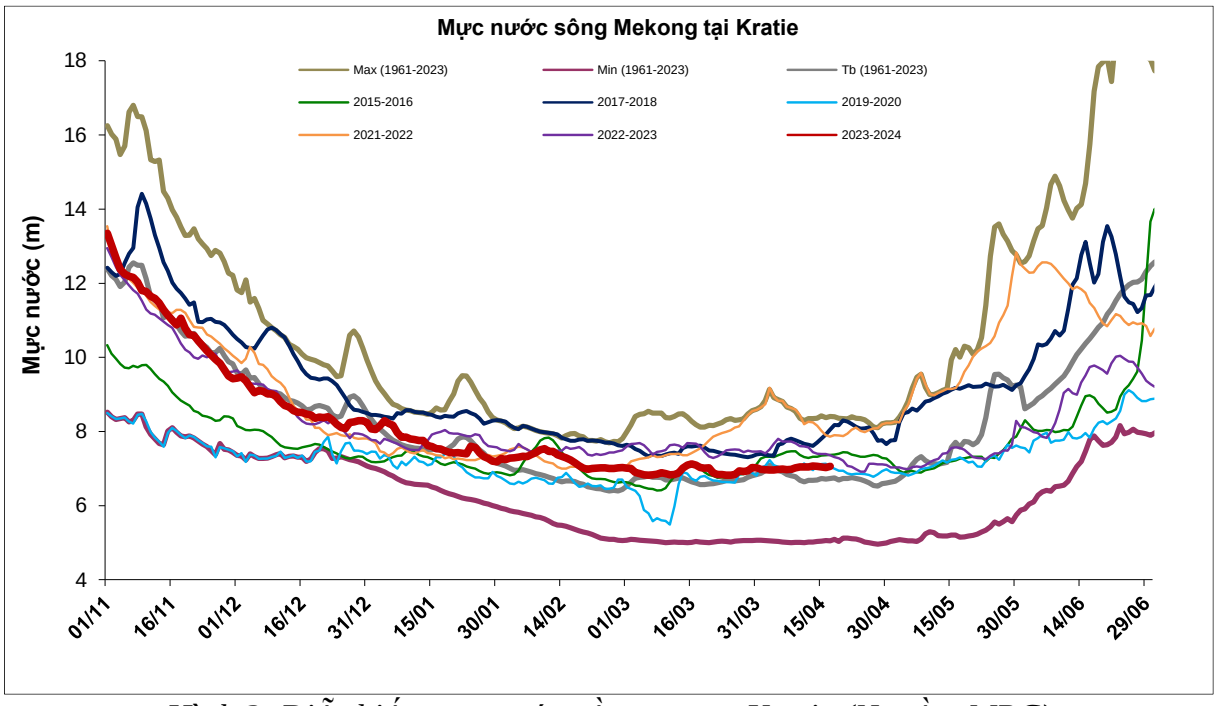

Hình 3. Diễn biến mực nước về qua trạm Kratie (Nguồn: MRC)

Bảng 2: So sánh mực nước lớn nhất cùng thời kỳ một số trạm trên đồng bằng

Trạm	Ngày 17/4/2024	Mực nước (m) so với một số năm cùng thời điểm (+) là cao hơn, (-) là thấp hơn					
		TB (2010-2022)	2022-23	2021-22	2019-20	2017-18	2015-16
Tân Châu	0,96	-0,16	-0,18	-0,39	-0,14	-0,41	+0,11
Châu Đốc	1,22	-0,03	-0,09	-0,28	-0,05	-0,26	+0,24
Mỹ Thuận	0,88	-0,21	-0,33	-0,46	-0,24	-0,46	+0,03
Cần Thơ	1,03	+0,05	-0,20	-0,30	-0,11	-0,43	+0,10

Dòng chảy về châu thổ sông Mê Công phụ thuộc khá lớn vào lưu lượng điều tiết từ các hồ chứa thượng nguồn, dòng chảy từ Biển Hồ Tonle Sap và thay đổi theo triều, cụ thể:

- Tại trạm Kratie: Tính đến 07 giờ ngày 17/4/2024, mực nước tại Kratie ở mức 7,06 m. Mực nước hiện tại tương đương với thời điểm mùa khô 2019-2020 và cao hơn mực nước TBNN khoảng 0,33 m. Tuy nhiên, thấp hơn mực nước mùa khô các năm 2015-2016; 2017-2018; 2021-2022; 2022-2023 lần lượt là 0,31 m; 0,99 m; 0,80 m và 0,30 m.

- Tại Biển Hồ: Hồ hiện chuyển sang giai đoạn tích nước. Dung tích Biển Hồ hiện tại còn khoảng 1,09 tỷ m^3. Hiện tại dung tích Hồ thấp hơn dung tích mùa khô 2015-2016; 2017-2018; 2019-2020; 2021-2022; 2022-2023; TBNN lần lượt khoảng 0,25 tỷ m^3; 0,85 tỷ m^3; 0,27 tỷ m^3; 1,02 tỷ m^3; 0,28 tỷ m^3 và 0,77 tỷ m^3 so với với cùng thời điểm.

- Tại Tân Châu và Châu Đốc: Mực nước tại trạm Tân Châu và Châu Đốc ngày 17/4/2024 đạt lần lượt là 0,96 m và 1,22 m. Dự báo xu thế mực nước lớn nhất đầu nguồn ĐBSCL sẽ tăng trong tuần dự báo.

2. DIỄN BIẾN NGUỒN NƯỚC TRÊN ĐỒNG BẰNG VÀ DỰ BÁO TIỀM NĂNG NGUỒN NƯỚC MÙA KHÔ

2.1. Diễn biến mưa trên đồng bằng

Trong tuần từ ngày 10/04 đến 17/4/2024, vùng Đồng bằng sông Cửu Long hầu như không xuất hiện mưa trái mùa (Hình 4).

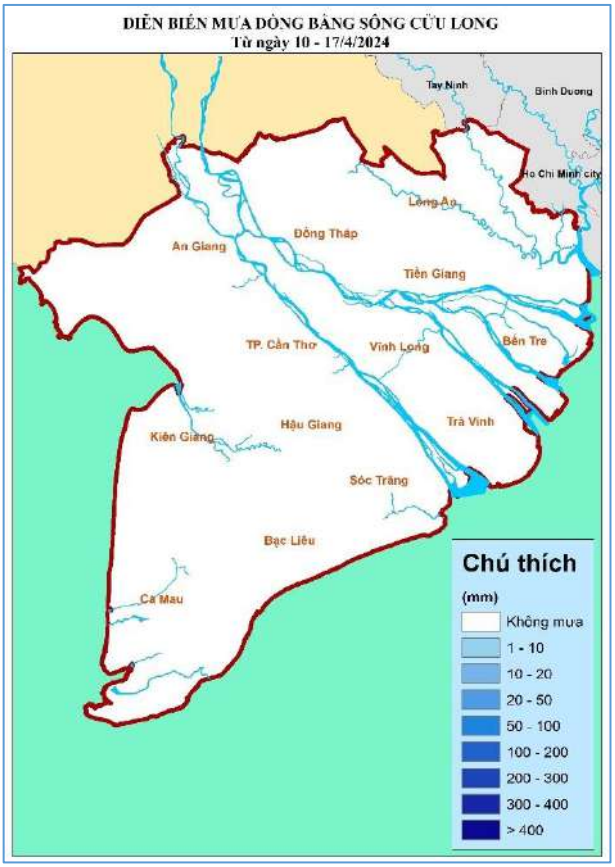

Hình 4. Bản đồ lũy tích lượng mưa trên vùng ĐBSCL (từ ngày 10/04 đến 17/4/2024)

Dự báo tuần tới vùng ĐBSCL khả năng có mưa trái mùa xuất hiện là rất thấp.

Theo dự báo cập nhật Tháng 4 của Trung tâm Dự báo Khí hậu Mỹ (CPC) và Viện Nghiên cứu quốc tế về Khí hậu và Xã hội (IRI) dự báo hiện tượng El Niño sẽ tiếp tục diễn ra trong thời gian tháng 3 đến tháng 5/2024 với xác suất 95%, sau đó chuyển đổi sang điều kiện ENSO trung tính với khả năng xảy ra 85% giai đoạn tháng 4-tháng 6 và 72% ở giai đoạn tháng 5-tháng 7. La Niña đã trở thành loại có khả năng thống trị ở giai đoạn tiếp theo, giai đoạn từ tháng 6 đến tháng 8 năm 2024 với xác suất xảy ra là 60%.

2.2. Diễn biến và dự báo nguồn nước vùng đồng bằng sông Cửu Long trong tuần

Trong tuần từ 11/04/2024 - 18/04/2024 xả nước từ thủy điện Cảnh Hồng xuống hạ lưu dao động trong khoảng từ 662 m^3/s đến 947 m^3/s được xem là có tăng hơn so với tuần trước đó nhưng không đáng kể. Các hồ chứa trên lưu vực sông Mê Công thuộc Trung Quốc có dung tích điều tiết còn 9,63 tỷ m^3, tương đương với 40,5% tổng dung tích hữu ích. Các hồ chứa trên toàn lưu vực Mê Công còn 39,2%, tương đương với khoảng 25,67 tỷ m^3 dung tích nước có thể điều tiết cho mùa kiệt năm 2024.

Hiện dòng chảy về đồng bằng phụ thuộc nhiều vào vận hành thủy điện. Dự báo dòng chảy bình quân về ĐBSCL các tháng mùa kiệt 2023-2024 tại Bảng 3.

Bảng 3: So sánh lưu lượng thực đo và dự báo tại Kratie 2023-2024 với một số năm

Tháng	Qkratie (m^3/s)	So với một số năm: (+) là cao hơn, (-) là thấp hơn						
		Năm TB	2022-23	2021-22	2019-20	2017-18	2016-17	2015-16
Th.3/2024	2.793	+320	-868	-1.078	+649	-751	-1.598	+209
Dự báo Th.04/2024	2.980	+431	-441	-1.884	+113	-1.152	-1.675	-429
Dự báo Th.05/2024	3.385	-842	-15	-4.337	+246	-2.585	-3.426	+143

Dòng chảy về Đồng bằng xuống thấp ở các tháng đầu mùa kiệt, mặn đã xuất hiện sớm ở các vùng cửa sông trong tháng 1/2024. Tháng 3, đỉnh mặn 4 g/l trên các cửa sông chính Cửu Long vào sâu nhất 50-65 km. Dự báo mặn cao trở lại trong tuần dự báo này và đạt đỉnh vào giai đoạn từ 23-27/4 ở mức 45-60 km, đặc biệt chân mặn có thể cao và kéo dài đến cuối tháng 4. Do ảnh hưởng của việc xả nước muộn ở các thủy điện thượng nguồn dự báo sẽ còn có thêm đợt mặn cuối vào kỳ 7/5-10/5 ở mức 45-58 km trước khi mưa về và mặn giảm vào nửa cuối tháng 5. Dự báo nguồn nước trong tuần như sau:

- Vùng thượng ĐBSCL, bao gồm phần đất tỉnh An Giang, Đồng Tháp, thượng nguồn Long An, Kiên Giang và TP. Cần Thơ mực nước thấp hơn trung bình nhiều năm có khó khăn hơn cho bơm tưới.

- Vùng giữa và khu vực ven Biển Đông ĐBSCL, bao gồm phần đất thuộc TP. Cần Thơ, tỉnh Tiền Giang, Long An, Kiên Giang, Hậu Giang, Đồng Tháp, tỉnh Vĩnh Long và vùng được kiểm soát mặn ở Bạc Liêu, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bến Tre. Trong tháng 3, mặn đạt đỉnh vào kỳ 10/3-13/3 với ranh mặn 4 g/l vào sâu 50-65 km. Tháng 4 mặn đạt đỉnh vào kỳ 9-11/4, với ranh mặn 4g/l vào sâu 48-63 km. Trong tuần dự báo, mặn có xu thế tăng trở lại và kéo dài đến hết tuần dự báo. Ranh mặn 4 g/l cao nhất có thể vào sâu 45-60 km, các địa phương vùng ven biển ở Bến Tre, Tiền Giang cần giám sát mặn chặt chẽ. Các khu vực cách biển hơn 40 km ven sông Hậu và Cổ Chiên thuộc Trà Vinh và Sóc Trăng, vẫn có nhiều cơ hội về nguồn nước trong tuần dự báo.

- Khu vực ảnh hưởng mặn sông Cái Lớn, Cái Bé thuộc các tỉnh Kiên Giang và Hậu Giang. Mặn 4 g/l đã vào sâu nhất 50-57 km. Diện tích sản xuất vụ hè thu tăng làm tăng nhu cầu nước trong vùng có thể làm mặn vào sâu, cần vận hành hợp lý hệ thống thủy lợi Cái Lớn-Cái Bé để kiểm soát mặn trong vùng. Trong tuần dự báo, từ 19/4-22/4 mặn có xu thế giảm rồi sau đó tăng nhẹ đến cuối tuần dự báo, các địa phương ở Hậu Giang vận hành hợp lý các công trình đảm bảo nước cho sản xuất.

Trong tuần dự báo từ 19/04 đến 25/04/2024, khu vực ven Biển Đông dự báo

mặn có xu thế tăng và kéo dài đến hết tuần dự báo, chiều sâu xâm nhập mặn 4 g/l khi cao nhất cách cửa sông 45 – 60 km. Các địa phương ven biển vận hành hợp lý các công trình kiểm soát mặn, hạn chế tiêu thoát nước, tưới tiết kiệm ứng phó với kỳ chân mặn cao khả năng kéo dài đến cuối tháng 4 nếu tiếp tục không có mưa.

3. KHUYẾN NGHỊ SẢN XUẤT VÀ QUẢN LÝ NƯỚC MÙA KIỆT 2023-2024

Nguồn nước về Đồng bằng thuộc nhóm năm ít nước, ảnh hưởng của El Niño, mặn xâm nhập năm 2024 ở mức cao hơn trung bình nhiều năm. Trong điều kiện nắng nóng, dòng chảy thượng nguồn về thấp, dự báo mặn còn lên cao và chân mặn cao ở nửa cuối tháng 4 này.

Hiện nay một số địa phương đã xuống giống vụ Hè Thu, với tổng diện tích tính đến 12/4 là 546.898 ha, tập trung chủ yếu ở Đồng Tháp, Kiên Giang, Cần Thơ, Hậu Giang, Long An, Vĩnh Long và Tiền Giang. Bắt đầu có thêm các tỉnh ven biển như Sóc Trăng, Trà Vinh, Bạc Liêu. Chú ý, Tháng 4 còn là cao điểm hạn mặn năm nay, vì vậy các địa phương, đặc biệt khu vực ven biển, nên cân nhắc việc giãn sản xuất một số diện tích vụ Hè Thu trong năm này để góp phần giảm nhu cầu nước và hạn chế xâm nhập mặn vào sâu vùng cửa sông ven biển. Tháng 5 và tháng 6 dự báo mưa về, nước bớt căng thẳng, việc xuống giống sẽ đem lại hiệu quả hơn cho sản xuất nông nghiệp trên toàn đồng bằng. Thêm vào đó, các địa phương cần chủ động các giải pháp ứng phó phòng chống hạn mặn phù hợp với điều kiện của vùng:

- Vùng thượng ĐBSCL: khó khăn chủ yếu ở vùng núi cao Tịnh Biên, Tri Tôn, cần thực hiện các giải pháp tưới nước tiết kiệm.

- Vùng giữa ĐBSCL: Vận hành hợp lý các công trình kiểm soát mặn và tích trữ nước, khi lấy ngọt hoặc tưới cho cây trồng cần kiểm tra chặt chẽ độ mặn, nhất là đối với cây ăn quả. Tích trữ nước ngay khi có thể khi có cơ hội bằng bơm trữ, gạn triều lấy ngọt chủ động thích ứng với hạn mặn các kỳ cao điểm.

- Vùng ven biển ĐBSCL: xâm nhập mặn đã ảnh hưởng đến nguồn nước và sản xuất ở các hệ thống thủy lợi ven biển như hệ thống Long Phú-Tiếp Nhật, Gò Công, Bắc Bến Tre, vùng ven biển Trà Vinh. Cần hạn chế tiêu thoát, tưới tiết kiệm nước để chủ động thích ứng với hạn mặn cao có thể kéo dài đến cuối tháng 4. Lưu ý, các khu vực ven sông Hậu và Cổ Chiên cách biển hơn 45km vẫn có cơ hội về nguồn nước có thể bố trí sản xuất vụ hè thu.

Dự báo El Nino sẽ giảm, trạng thái ENSO nghiêng về pha trung tính từ giai đoạn tháng 4 - tháng 6. La Nina trở nên trội từ giai đoạn tháng 6 - tháng 8 trở đi. Vì vậy, các địa phương chủ động các giải pháp ứng phó với thời kỳ hạn mặn còn cao ở cuối Tháng 4 để đảm bảo an toàn cho sản xuất. Các khu vực cửa Sông Tiền, sông Hàm Luông và hai sông Vàm Cỏ cần theo dõi thêm mặn cao ở nửa đầu tháng 5, từ 7/5 đến 10/5, nửa cuối tháng 5 hạn mặn sẽ bớt căng thẳng trên đồng bằng.

4. KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ

Dự báo nguồn nước về ĐBSCL mùa khô 2023-2024 thuộc nhóm năm ít nước, xâm nhập mặn đến sớm và sâu hơn trung bình nhiều năm. Đến nay đã qua các thời kỳ mặn cao điểm nhất đã xảy ra ở nửa đầu tháng 3 và đầu tháng 4, chỉ còn đợt mặn mức độ vừa ở cuối tháng 4, từ 23/4-27/4 và đầu tháng 5 từ 6/5-10/5.

Ngày 10/4/2024 Bộ NN&PTNT ra văn bản số 2605/BNN-TL về việc tổ chức thực

hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ số 11/CT-TTg ngày 1/4/2024 về tăng cường thực hiện các biện pháp phòng, chống nắng nóng, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn. Các địa phương tiếp tục tăng cường thực hiện các biện pháp theo chỉ đạo của Chính phủ và của Bộ NN&PTNT, chủ động các giải pháp thích ứng với hạn hán và xâm nhập mặn trong năm ở điều kiện như dự báo, theo dõi cập nhật các bản tin dự báo.

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN NAM
VIỆN TRƯỞNG

Ghi chú :

- Việc dự báo nguồn nước mùa khô đang được thực hiện tại Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam theo sự phân giao nhiệm vụ của Bộ. Bản tin dự báo sẽ được tiếp tục cập nhật các tuần kế tiếp và được đăng trên Website: http://www.siwrr.org.vn
- Ngoài ra để phục vụ kịp thời cho sản xuất, kính đề nghị các địa phương có các thông tin về tình hình xâm nhập mặn, nguồn nước, sản xuất hoặc có yêu cầu khác xin gửi về Viện theo email: dbnn.dbscl19@gmail.com
- Khi cần liên hệ gấp, xin vui lòng gọi tới: 1) Ông Trần Minh Tuấn (di động: 0913 888 478); 2) Ông Tô Quang Toản (di động: 0918 000 377)./.

Phụ lục 1: Bản đồ vị trí dự báo nguồn nước các vùng trên đồng bằng

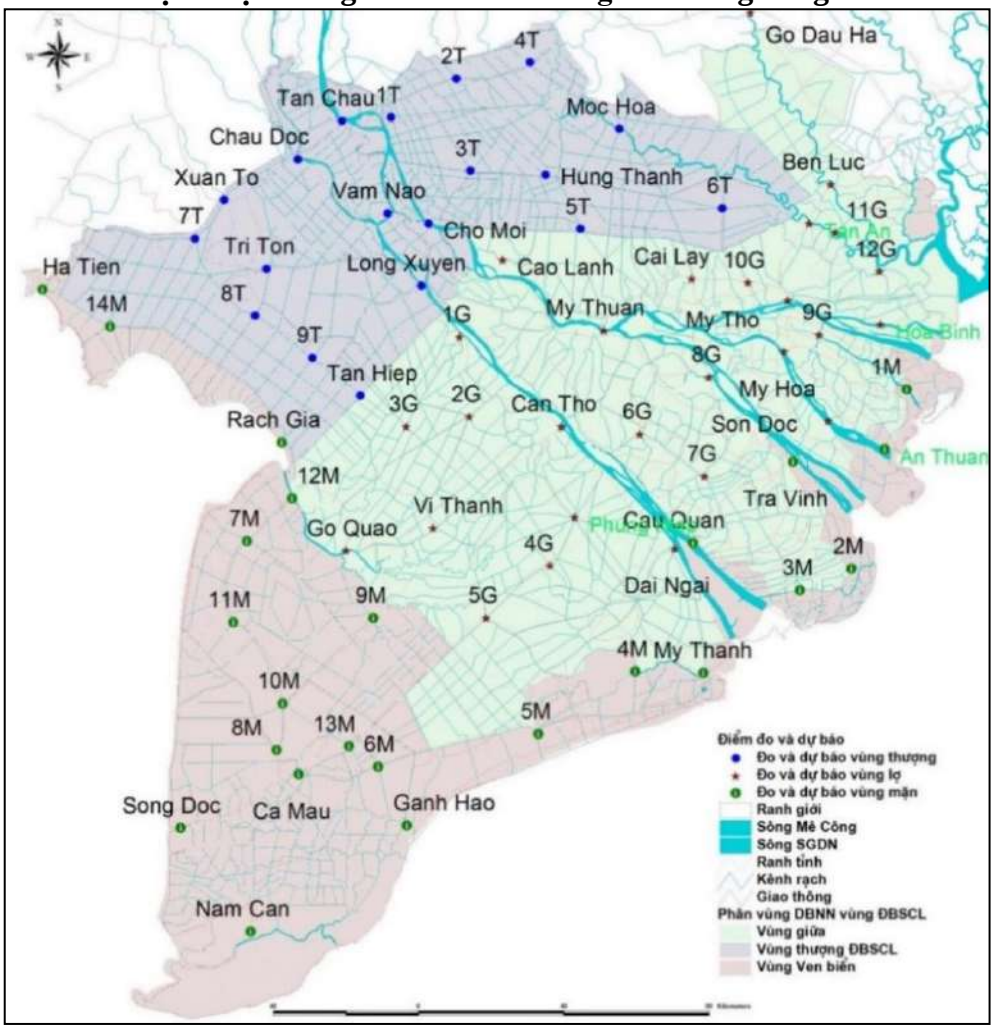

Phụ lục 2: Cập nhật dự báo mực nước lớn nhất (m) các Vùng trên ĐBSCL

STT	Trạm	Ngày dự báo							
		18/04	19/04	20/04	21/04	22/04	23/04	24/04	25/04
I. Vùng Thượng đồng bằng									
1	1T	1,09	1,03	1,00	1,00	1,00	1,02	1,04	1,08
2	2T	0,77	0,66	0,58	0,57	0,57	0,58	0,60	0,62
3	3T	0,98	0,86	0,77	0,74	0,76	0,79	0,82	0,85
4	4T	0,65	0,56	0,48	0,46	0,45	0,46	0,47	0,48
5	5T	0,92	0,84	0,82	0,83	0,84	0,86	0,88	0,91
6	6T	0,52	0,46	0,43	0,43	0,44	0,46	0,48	0,49
7	7T	0,55	0,52	0,49	0,48	0,47	0,48	0,49	0,50
8	8T	0,47	0,42	0,38	0,36	0,36	0,38	0,39	0,40
9	9T	0,39	0,30	0,26	0,25	0,27	0,28	0,30	0,31
10	Châu Đốc	1,25	1,26	1,28	1,29	1,29	1,31	1,33	1,37
11	Chợ Mới	1,22	1,25	1,24	1,23	1,23	1,24	1,28	1,33
12	Hưng Thạnh	0,73	0,73	0,65	0,63	0,64	0,66	0,68	0,70
13	Long Xuyên	1,15	1,22	1,22	1,23	1,24	1,27	1,30	1,35
14	Mộc hóa	0,47	0,38	0,36	0,36	0,37	0,38	0,39	0,41
15	Tân Châu	1,12	1,13	1,14	1,14	1,14	1,15	1,17	1,21
16	Tân Hiệp	0,37	0,39	0,33	0,33	0,34	0,36	0,38	0,40
17	Tri Tôn	0,29	0,33	0,29	0,27	0,27	0,29	0,31	0,32

STT	Trạm	Ngày dự báo							
		18/04	19/04	20/04	21/04	22/04	23/04	24/04	25/04
18	Vàm Nao	1,15	1,18	1,18	1,18	1,19	1,20	1,22	1,27
19	Xuân Tô	0,47	0,51	0,52	0,52	0,52	0,54	0,55	0,57
II. Vùng Giữa đồng bằng									
1	1G	1,17	1,16	1,16	1,17	1,18	1,20	1,25	1,31
2	2G	0,76	0,73	0,72	0,72	0,73	0,75	0,77	0,79
3	3G	0,44	0,39	0,34	0,30	0,32	0,34	0,36	0,38
4	4G	0,77	0,76	0,76	0,76	0,76	0,78	0,80	0,82
5	5G	0,58	0,57	0,56	0,53	0,48	0,50	0,50	0,49
6	6G	1,08	1,12	1,13	1,12	1,14	1,16	1,20	1,26
7	7G	0,81	0,77	0,76	0,73	0,66	0,72	0,76	0,80
8	8G	1,13	1,13	1,12	1,09	1,10	1,12	1,14	1,16
9	9G	1,09	1,02	1,00	0,99	1,00	1,03	1,09	1,15
10	10G	0,38	0,35	0,34	0,33	0,33	0,33	0,35	0,37
11	11G	0,84	0,83	0,81	0,81	0,81	0,82	0,85	0,87
12	12G	1,02	1,03	0,99	0,99	0,99	0,99	1,05	1,08
13	Bến Lức	1,12	1,09	1,09	1,10	1,11	1,13	1,16	1,19
14	Cai Lậy	1,07	1,07	1,05	1,03	1,03	1,05	1,07	1,09
15	Cần Thơ	1,16	1,17	1,17	1,18	1,20	1,22	1,25	1,30
16	Cao Lãnh	1,27	1,21	1,18	1,17	1,18	1,21	1,25	1,29
17	Đại Ngãi	1,10	1,18	1,18	1,20	1,19	1,17	1,22	1,31
18	Gò Dầu Hạ	0,57	0,49	0,46	0,44	0,45	0,48	0,51	0,55
19	Gò Quao	0,37	0,33	0,30	0,25	0,21	0,22	0,25	0,28
20	Hòa Bình	1,01	1,03	1,00	0,97	0,97	0,97	1,03	1,06
21	Mỹ Hoá	0,91	1,01	1,12	1,08	1,07	1,09	1,11	1,15
22	Mỹ Tho	1,05	1,14	1,14	1,12	1,08	1,10	1,13	1,22
23	Mỹ Thuận	0,91	1,02	1,10	1,12	1,13	1,14	1,17	1,20
24	Phụng Hiệp	0,88	0,90	0,89	0,91	0,91	0,93	0,97	1,02
25	Sơn Đốc	1,22	1,22	1,20	1,16	1,12	1,09	1,22	1,27
26	Tân An	1,26	1,26	1,24	1,23	1,24	1,25	1,28	1,29
27	Vị Thanh	0,42	0,39	0,35	0,28	0,30	0,33	0,36	0,38
III. Vùng ven biển									
1	1M	1,13	1,16	1,13	1,10	1,09	1,08	1,15	1,19
2	2M	1,23	1,23	1,23	1,21	1,17	1,16	1,23	1,30
3	3M	1,17	1,21	1,23	1,20	1,16	1,18	1,22	1,30
4	4M	1,09	1,15	1,18	1,17	1,13	1,13	1,19	1,28
5	5M	1,18	1,26	1,25	1,26	1,26	1,26	1,29	1,33
6	6M	0,40	0,40	0,38	0,38	0,40	0,42	0,44	0,48
7	7M	0,36	0,32	0,29	0,24	0,20	0,25	0,27	0,29
8	8M	0,62	0,58	0,55	0,52	0,51	0,53	0,55	0,57
9	9M	0,67	0,63	0,59	0,55	0,52	0,53	0,55	0,58
10	10M	0,49	0,46	0,43	0,39	0,38	0,40	0,42	0,43
11	11M	0,47	0,43	0,40	0,37	0,33	0,36	0,38	0,39
12	12M	0,53	0,46	0,36	0,26	0,24	0,34	0,42	0,49
13	13M	0,59	0,57	0,54	0,51	0,48	0,49	0,49	0,50

STT	Trạm	Ngày dự báo							
		18/04	19/04	20/04	21/04	22/04	23/04	24/04	25/04
14	14M	0,19	0,16	0,14	0,13	0,12	0,13	0,14	0,14
15	An Thuận	1,38	1,40	1,35	1,33	1,30	1,29	1,39	1,42
16	Cà Mau	0,74	0,63	0,57	0,58	0,59	0,61	0,64	0,66
17	Cầu Quan	1,17	1,21	1,25	1,25	1,23	1,25	1,30	1,38
18	Gành Hào	1,69	1,79	1,81	1,81	1,83	1,85	1,89	1,93
19	Hà Tiên	0,34	0,31	0,28	0,25	0,22	0,24	0,26	0,26
20	Mỹ Thanh	1,16	1,22	1,25	1,21	1,20	1,22	1,25	1,33
21	Năm Căn	1,06	1,11	1,16	1,17	1,18	1,22	1,27	1,32
22	Rạch Giá	0,24	0,21	0,18	0,15	0,12	0,14	0,16	0,16
23	Sông Đốc	0,64	0,59	0,54	0,54	0,57	0,61	0,66	0,70
24	Trà Vinh	1,26	1,28	1,26	1,20	1,19	1,19	1,22	1,29

Ghi chú:

Tương đương ngày đầu tuần dự báo
Cao hơn ngày đầu tuần dự báo
Thấp hơn ngày đầu tuần dự báo

Phụ lục 3: Dự báo mặn (g/l) trên một số trạm chính vùng ĐBSCL

STT	Trạm	Ngày dự báo mặn							
		18/04	19/04	20/04	21/04	22/04	23/04	24/04	25/04
1	Vàm Giồng	7,5	↑	↑	↑	↑	↑	↑	9,0
2	Trà Vinh	4,5	↑	↑	↑	↑	↑	↑	6,2
3	Mỹ Hóa	5,1	↑	↑	↑	↑	↑	↑	7,7
4	Cầu Quan	5,1	↑	↑	↑	↑	↑	↑	6,8
5	Gò Quao*	16,0	↓	↓	↓	9,3	↑	↑	10,5
6	Đại Ngãi	5,1	↑	↑	↑	↑	↑	↑	6,7

Ghi chú:

↑ Mặn đang xu thế tăng

↑ a ↓ Mặn tăng và đạt đỉnh 'a' trước khi giảm ở các ngày sau

↓ Mặn đang xu thế giảm

↓ b ↑ Mặn giảm và đạt chân 'b' trước khi tăng trở lại ở các ngày sau

— Mặn ít biến động so với ngày trước đó

Gò Quao*: mặn có thể giảm so với dự báo do vận hành đóng cống Cái Lớn